
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2016

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Công ty: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam
Mã chứng khoán: STG
Địa chỉ trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại: 08.38266594
Fax: 08.38266593
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Vũ Thành – Tổng Giám đốc
Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, TP.HCM
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08.38266594
Fax: 08.38266593
Loại công bố thông tin ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



THÔNG BÁO

TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp số 002/2016/BB-HĐQT ngày 02/02/2016, số 018/2016/BB-HĐQT ngày 31/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Trân trọng thông báo tới Quý cổ đông về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 như sau:

- 1. Thời gian:** Từ 8h30' đến 11h30', Thứ Tư ngày 20/04/2016.
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty CP Kho Vận Miền Nam
Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.
- 3. Thành phần tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- 4. Nội dung cuộc họp:**
 - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016;
 - Báo cáo Tài chính (đã được kiểm toán) năm 2015; Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015;
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015;
 - Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và dự kiến năm 2016;
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2016;
 - Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- 5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự cuộc họp:**
 - Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản (theo mẫu). Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
 - Cổ đông không tham dự, cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp, được xem là tự nguyện từ bỏ quyền tham dự cuộc họp. Mọi thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết.
 - Đề nghị Quý Cổ đông gửi Giấy đăng ký và giấy ủy quyền bằng đường bưu điện hoặc fax để xác nhận tham dự cuộc họp về Văn phòng Công ty trước 11h00' ngày 15/04/2016;
 - Cổ đông khi tham dự cuộc họp vui lòng đem theo CMND hoặc hộ chiếu (bản chính)
- 6. Tài liệu:** Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 được đăng trên website www.sotrans.com.vn (chuyên mục cổ đông), và được gửi trực tiếp cho Quý Cổ đông tại ngày diễn ra cuộc họp.

Địa chỉ liên hệ:

Văn phòng Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam
1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.
Điện thoại: (08) 3825 3009 - Fax: (08) 3826 6593
Người liên hệ: (Ms) Trần Thị Cẩm Tú - Thư ký HĐQT
ĐD: 0984 384 575 - Email: tu.cam@sotrans.com.vn



*** Phần cổ đông xác nhận tham dự cuộc họp:**

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

- ☐ Có tham dự cuộc họp.
- ☐ Ủy quyền người khác.
- ☐ Không tham dự cuộc họp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

Số: 023/2016/TM-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Tp. HCM, Ngày 31 tháng 03 năm 2016

THƯ MỜI THAM DỰ

CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM

Trân trọng kính mời:

Cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số CMNN/Số ĐKKD:

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu:

Đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Kho Vạn Miền Nam:

- Vào lúc: **8 giờ 30', Thứ Tư ngày 20/04/2016.**
- Địa điểm: Hội trường Công ty CP Kho Vạn Miền Nam
Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, TP.HCM.
- Nội dung cuộc họp:
 - + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2016;
 - + Báo cáo Tài chính (đã được kiểm toán) năm 2015; Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015;
 - + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015;
 - + Tờ trình trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 và dự kiến năm 2016;
 - + Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán 2016;
 - + Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


TRẦN QUYẾT THẮNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày.... tháng.... năm 2016

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam.

Tổ chức/ cá nhân:.....
là cổ đông Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

ĐKKD/CMND số:..... Cấp ngày:..... Tại:

Địa chỉ :.....

Tổng số cổ phần sở hữu: Bằng số :.....

Bằng chữ:.....

Nay tôi ủy quyền cho:

Ông/Bà :

Số CMND :..... Cấp ngày:..... Tại:

Địa chỉ :.....

Nội dung ủy quyền:

1. Được quyền thay thế tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam;
2. Trong quá trình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định của pháp luật và của công ty;
3. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký đến thời điểm kết thúc cuộc họp ngày 20/4/2016.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

/

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

1. Quy chế này quy định chế độ làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
2. Chủ tọa cuộc họp là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 chỉ được tiến hành khi có đủ số lượng cổ đông đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.
4. Nhiệm vụ của Chủ tọa:
 - Chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội đồng thảo luận.
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng biểu quyết.
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng yêu cầu.
 - Làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
5. Thư ký cuộc họp do Chủ tọa giới thiệu và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:
 - Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung cuộc họp.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của cuộc họp và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
6. Thẻ lệ biểu quyết:
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa cuộc họp (*tán thành; không tán thành; không có ý kiến*). Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết ghi mã số biểu quyết. Quyền biểu quyết theo thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần cổ đông đó đăng ký sở hữu hoặc đại diện.
 - Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu và theo Quy chế bầu cử, ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị trong đại hội này.
 - Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề nêu trên sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- Riêng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
7. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- Tất cả các nội dung được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký cuộc họp ghi vào Biên bản, Nghị quyết. Biên bản, Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
8. Quy chế được trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Công ty.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

TRẦN QUYẾT THẮNG

THẺ THỨC BIỂU QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

Để việc lấy biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông Công ty CP Kho Vận Miền Nam được công khai, dân chủ, bảo đảm quyền lợi, lợi ích hợp pháp của tất cả cổ đông và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam thống nhất thông qua Thẻ thức biểu quyết gồm các điều khoản sau đây:

I. Đối tượng tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được chốt ngày 08 tháng 03 năm 2016 và cổ đông thực hiện quyền mua của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015.

Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

II. Phiếu biểu quyết.

- Khi đăng ký tham dự cuộc họp, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp phiếu biểu quyết cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết theo mã số cổ đông (tương ứng với cổ phần Sở hữu và cổ phần được ủy quyền) đã được đăng ký;
- Phiếu biểu quyết được in thống nhất, do ban tổ chức phát hành, có đóng dấu của Công ty ở góc trên, bên trái. Trên mỗi phiếu có thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết,...
- Hình thức biểu quyết: các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông theo hướng dẫn của Chủ tọa cuộc họp (*tán thành; không tán thành; không có ý kiến*).

III. Ban kiểm phiếu, ban bầu cử.

- Ban kiểm phiếu, ban bầu cử là bộ phận giúp việc cho cuộc họp trong việc biểu quyết, bầu cử, do Đoàn chủ tịch giới thiệu và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thành viên của Ban kiểm phiếu, ban bầu cử không phải là người có tên trong danh sách đề cử/ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Ban kiểm phiếu có 1 Trưởng ban để điều hành công tác kiểm phiếu, các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

IV. Phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ.

Phiếu biểu quyết hợp lệ.

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu của Công ty CP Kho Vận Miền Nam, không có dấu hiệu tẩy xóa, cạo, sửa bất kỳ nội dung nào đã in trong phiếu.

Phiếu biểu quyết không hợp lệ, nội dung biểu quyết không hợp lệ.

Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không có đóng dấu của Công ty; tự ý ghi thêm các nội dung khác, cạo sửa hoặc tẩy xóa trên phiếu;

Nội dung phiếu biểu quyết có 3 lựa chọn (Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến) cổ đông được quyền biểu quyết 1 trong 3 lựa chọn trên. Trường hợp cổ đông không biểu quyết nội dung nào của 3 lựa chọn trên hoặc biểu quyết nhiều hơn 1 lựa chọn thì nội dung biểu quyết đó không hợp lệ.

V. Kiểm phiếu biểu quyết.

Việc kiểm phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu thực hiện. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trong cuộc họp;

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự cuộc họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, các nội dung biểu quyết không hợp lệ, kết quả các nội dung biểu quyết...

Các nội dung biểu quyết được cuộc họp thông qua sẽ căn cứ vào kết quả kiểm phiếu và điều 20 Điều lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

VI. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tịch đoàn giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

Thê thức biểu quyết này được trình bày trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Kho vận Miền nam và thông qua khi được sự chấp thuận của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CHỦ TỊCH

TRẦN QUYẾT THẮNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014 và Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam; Nghị quyết số 025/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015; Nghị quyết số 051/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/8/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015; Nghị quyết số 090/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/11/2015, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016 cụ thể như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015:

1. Cơ cấu HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam năm 2015 gồm:

- | | |
|------------------------|---|
| • Ông Trần Quyết Thắng | - Chủ tịch HĐQT |
| • Bà Đoàn Thị Đông | - Thành viên HĐQT |
| • Ông Lê Việt Thành | - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015) |
| • Ông Đặng Vũ Thành | - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015) |
| • Ông Trần Mạnh Đức | - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 24/7/2015) |
| • Ông Đinh Quang Hoàn | - Thành viên HĐQT (từ nhiệm từ 23/6/2015) |
| • Ông Lê Bá Thọ | - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 29/6/2015) |
| | - Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ 29/9/2015) |
| • Ông Trần Văn Thịnh | - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 20/8/2015) |
| • Ông Đỗ Hoàng Phương | - Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 20/8/2015) |

2. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 11 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có Tổng Giám đốc tham dự.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, HĐQT đã có báo cáo quản trị Công ty 06 tháng và năm gửi UBCK, các Sở GD&ĐT và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

3. Các biên bản nghị quyết HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành 30 Nghị quyết và Quyết định. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ, HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- 3.1.** Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2015 như: báo cáo hoạt động SXKD năm 2014, kế hoạch SXKD năm 2015, phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận, lựa chọn đơn vị kiểm toán, thù lao của HĐQT và BKS, số lượng thành viên HĐQT, phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ...
- 3.2.** Chủ trương chuyển đổi công năng sử dụng khu đất 1B Hoàng Diệu, 117A Nguyễn Tất Thành, Quận 4 và khu đất Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức.
- 3.3.** Bổ nhiệm Ông Lê Bá Thọ làm Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 15/7/2015, thời hạn là 03 năm.
- 3.4.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.
- 3.5.** Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam.
- 3.6.** Góp vốn thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Miền Nam.
- 3.7.** Phát hành trái phiếu riêng lẻ và phê duyệt phương án phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ.
- 3.8.** Thông qua các hồ sơ, thủ tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- 3.9.** Tái cơ cấu Công ty, giải thể Ban Nghiên cứu và Phát triển, Ban Kiểm soát nội bộ, các Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam gồm: Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận, Xí Nghiệp Dịch Vụ Kho Bãi Cảng,

Xí Nghiệp Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế Tiêu Diêm, Xí Nghiệp Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế, Cảng Kho Vận.

• *Công tác tài chính:*

- 3.10. Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2014 là 10% bằng tiền mặt, thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2014 là 15% bằng cổ phiếu.
- 3.11. Thông qua việc vay vốn với tổng hạn mức tín dụng năm 2015 là 100.000.000.000 đồng (bằng chữ: một trăm tỷ đồng chẵn), giao Ban điều hành đàm phán với các Ngân hàng có uy tín để tiến hành ký kết hợp đồng theo nhu cầu kinh doanh.
- 3.12. Yêu cầu ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ chi phí, kiểm soát công nợ, xây dựng định mức và tiêu chí cụ thể về công nợ.

4. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- 4.1. Việc phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi: do thị trường chưa thuận lợi nên Công ty chưa thực hiện phát hành được trong năm 2015. Năm 2016, không tiếp tục thực hiện phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi mà thay đổi bằng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- 4.2. Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: đã thực hiện phát hành thành công, tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết là 275.606.980.000 đồng.
Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã sửa đổi Điều lệ với vốn điều lệ sau khi sửa đổi là 275.606.980.000 đồng.
- 4.3. Tái cơ cấu Công ty: hoàn tất quá trình tái cơ cấu Công ty theo từng mảng kinh doanh chính; sáp nhập, giải thể các Xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc Công ty.
- 4.4. Thành lập hai Công ty con:
 - * Góp vốn thành lập Công ty CP Cảng Miền Nam: với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ Phần Kho Vận Miền Nam (SOTRANS) góp 51%, tương đương 10.200.000.000 đồng để khai thác cảng.
 - * Góp vốn thành lập Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS:
Góp 100% vốn thành lập Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS với vốn điều lệ là 350.000.000.000 đồng.
Ngày 07/12/2015, HĐQT thống nhất góp thêm 50.000.000.000 đồng vào Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS để tăng vốn điều lệ của Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS từ 350.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.
Ngày 31/03/2016, HĐQT thống nhất thông qua việc góp thêm 200.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ

Tăng SOTRANS, tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 đồng.

5. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

6. Kết luận:

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã nỗ lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc, trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư mới. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được HĐQT và Ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị trực thuộc, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Công ty.

II. Phương hướng hoạt động năm 2016:

Năm 2016, tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo sẽ được cải thiện nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn như các doanh nghiệp sẽ vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ... Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2016 như sau:

- o Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- o Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- o Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- o Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- o Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội M&A các doanh nghiệp tiềm năng cùng ngành nghề.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành, giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

TRẦN QUYẾT THẮNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016



**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
Về hoạt động kiểm soát năm 2015**

- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 36 Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam được bổ sung sửa đổi lần thứ tám ngày 10/03/2016;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam ban hành kèm theo Quyết định số 325/QĐ-KVMN ngày 17/4/2007;
- Căn cứ Báo cáo tài chính các năm của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/7/2012 Quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông thường niên 2016 kết quả hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát với những nội dung chính sau:

I. Hoạt động và thù lao Ban Kiểm soát:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015:

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của HĐQT.
- Khảo sát các dữ liệu đánh giá tình hình công nợ của Công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo, và các quy định ban hành.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm 2015.
- Phối hợp Ban Giám đốc xét chọn thầu đối với việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. Căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, Công ty TNHH Ernst & Young đã trúng thầu kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2015. Xem xét thư quản lý, cũng như ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty.



2. Thù lao Ban Kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát:

Từ ngày 01/01/2015 – 31/07/2015: 2 thành viên.

Từ ngày 31/07/2015 – 20/08/2015: 1 thành viên.

Từ ngày 20/08/2015 – 31/12/2015: 3 thành viên.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát nhận được thù lao của năm 2014 là 129.246.688 đồng.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:

1. Tình hình hoạt động Công ty:

- Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2015 theo báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty đã phản ánh phù hợp thực tế. Ban kiểm soát nhất trí các nội dung chủ yếu trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2015 Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên.

2. Tình hình tài chính Công ty:

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2015:

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tổng tài sản	VND	672.011.394.038	256.243.027.321
+ Tài sản ngắn hạn	VND	535.614.669.117	186.285.094.928
+ Tài sản dài hạn	VND	136.396.724.921	69.957.932.393
2. Tổng nguồn vốn	VND	672.011.394.038	256.243.027.321
+ Nợ ngắn hạn	VND	94.210.699.383	94.994.343.867
+ Nợ dài hạn	VND	398.440.881.000	5.144.442.250
+ Vốn chủ sở hữu	VND	179.359.813.655	156.104.241.204
3. Doanh thu bán hàng, dịch vụ	VND	1.010.596.638.027	872.723.744.485
4. Lợi nhuận sau thuế	VND	24.599.453.992	28.076.986.548

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán.

III. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trên cơ sở những công việc đã thực hiện, Ban Kiểm soát có những đánh giá như sau:

- Trên cơ sở thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng mục tiêu phát triển kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị công ty đã phê chuẩn nhiều vấn đề quan trọng để tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của Công ty như:

- Tái cơ cấu Công ty.
- Chủ trương tìm kiếm và xây dựng thêm kho để phát triển ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- Thành lập công ty con.
- Trong hoạt động quản lý, Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị công ty.
- Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo tốt công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, cùng các biện pháp tổ chức thực hiện. Trong quá trình quản lý, điều hành Ban Giám đốc công ty luôn thể hiện tính chủ động, kịp thời và linh hoạt, đảm bảo mọi hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ theo đúng định hướng, mục tiêu đề ra.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

Ngoài sự giám sát thường xuyên hoạt động của công ty. Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty trên nhiều lĩnh vực liên quan trong hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ, cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát kịp thời.

V. Kiến nghị:

Qua các vấn đề trình bày, Ban kiểm soát đề xuất các kiến nghị sau:

- Tích cực thu hồi, giảm công nợ phải thu để tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi.
- Cần nâng cấp chương trình quản lý nhằm gia tăng tính kiểm soát và cung cấp đầy đủ các dữ liệu, thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành quy trình hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty để làm cơ sở đánh giá hoạt động, kiểm tra, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



VI. Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2016:

Với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, Ban kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát công tác xây dựng kế hoạch, các giải pháp, và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016, thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính năm 2016.
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.
- Thẩm định tính khả thi và hiệu quả của các dự án đầu tư (nếu có).
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2016.
- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu của cổ đông.

Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông và mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để việc tổng hợp, phân tích trong các kỳ báo cáo tới được hoàn thiện hơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:

1.1. Bối cảnh:

- Năm 2015 là năm có ý nghĩa to lớn và quan trọng vì là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015.
- Thị trường toàn cầu có những bất ổn. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm.
- Giá dầu thô giảm mạnh.
- Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu.

1.2. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2015:

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2015 (tăng/giảm) so với năm 2014 (%)	
Tổng sản phẩm trong nước	+6,68
Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản	+2,4
Chỉ số sản xuất công nghiệp	+9,6
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+6,3
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+8,1
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+12,0

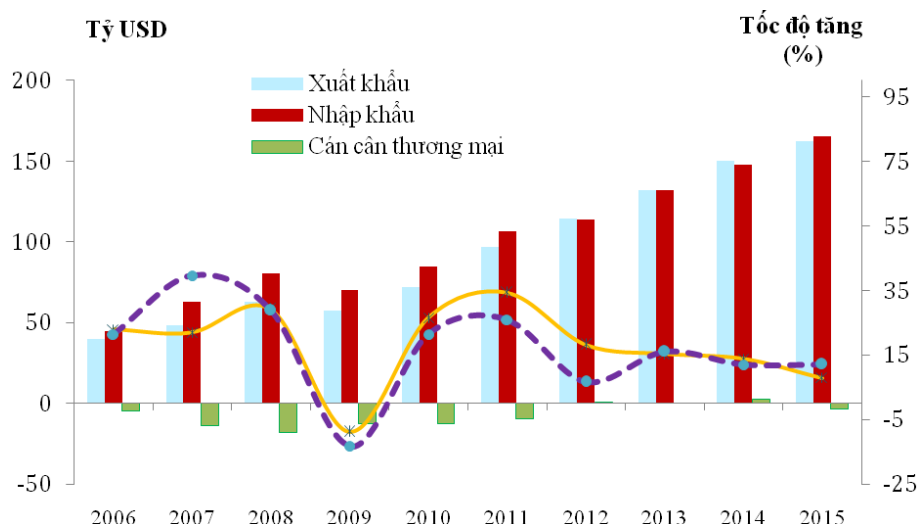
Nhận xét: Tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn tuy nhiên tình hình kinh tế Việt Nam khá thuận lợi trong đó có sự tăng trưởng của xuất khẩu và nhập khẩu.

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:

Năm 2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 327,76 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2014, trong đó xuất hàng hóa đạt 162,11 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 165,65 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước thâm hụt 3,54 tỷ USD (tương đương khoảng 2,2% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước) và ngược lại so với xu hướng thặng dư 2,37 tỷ của năm trước.

Như vậy, so với năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu đã tăng hơn 124 tỷ USD (từ 203,7 tỷ năm 2011 lên 327,76 tỷ USD năm 2015) nhưng xét về tốc độ tăng thì năm 2015 có tốc độ tăng thấp nhất cả giai đoạn và thấp hơn nhiều so với mức tăng bình quân 15,8%/năm giai đoạn 2011-2015.

Biểu đồ 1: Diễn biến kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và cán cân thương mại giai đoạn 2006-2015



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2.1. Xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2015 ước tính đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm 2014, loại trừ yếu tố giá tăng 12,4% (chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa giảm 3,8%). Kim ngạch xuất khẩu khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước tính đạt 115,1 tỷ USD, tăng 13,8%; khu vực trong nước ước tính đạt 47,3 tỷ USD, giảm 3,5%.

Đóng góp chính vào mức tăng chung chủ yếu là nhóm hàng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với tỷ trọng cao: Điện thoại các loại và linh kiện chiếm 99,7%, điện tử máy tính và linh kiện chiếm 98,2%, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 89,5%, giày dép chiếm 79,7%; hàng dệt may chiếm 60,4%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 45,5% tổng kim ngạch, tăng 1,5 điểm phần trăm so với năm 2014; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 39,9%, tăng 0,6 điểm phần trăm; hàng nông, lâm chiếm 10,5%, giảm 1 điểm phần trăm; hàng thủy sản chiếm 4,1%, giảm 1,1 điểm phần trăm.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước tính chiếm tỷ trọng 20,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; tiếp đến là EU chiếm 19%...

2.2. Nhập khẩu:

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2015 ước tính đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 98 tỷ USD, tăng 16,4%; khu vực kinh tế trong nước đạt 67,6 tỷ USD, tăng 6,3%. Nếu loại trừ yếu tố giá (giá nhập khẩu giảm 5,8%), kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm tăng 18,9%, cao hơn mức tăng 13,2% của năm 2014.

Kim ngạch nhập khẩu của một số mặt hàng phục vụ sản xuất tăng cao so với năm trước: Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác tăng 23,1%; vải đạt tăng 8,2%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép tăng 7,5%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tăng so với năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện tăng 24,2%; điện thoại các loại và linh kiện tăng 25,4%; ô tô tăng 59%, trong đó ô tô nguyên chiếc tăng 87,7%.

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm tới 91,3% tổng kim ngạch, tăng 0,2 điểm phần trăm so với năm 2014; hàng tiêu dùng chiếm 8,7%, giảm 0,2 điểm phần trăm.

Về thị trường nhập khẩu, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch chiếm 28,8% tổng kim ngạch nhập khẩu; tiếp đến là Hàn Quốc chiếm 16,7%; ASEAN chiếm 14,4%...

Cán cân thương mại năm 2015 nhập siêu 3,2 tỷ USD (sau 3 năm liên tiếp xuất siêu), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 20,3 tỷ USD; khu vực FDI xuất siêu 17,1 tỷ USD. Đáng chú ý là thị trường Trung Quốc ước tính nhập siêu tới 32,3 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm trước; thị trường Nhật Bản sau nhiều năm xuất siêu, năm 2015 nhập siêu hơn 300 triệu USD.

Nhận xét: Tình hình xuất nhập khẩu trong năm có tăng trưởng là tiền đề tốt cho sự phát triển các năm sau.

III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS NĂM 2015:

3.1. Tình hình chung:

Vận tải hàng hóa năm 2015 đạt 1133,9 triệu tấn, tăng 6% và 226,8 tỷ tấn.km, tăng 3,1% so với năm trước, trong đó:

- Vận tải trong nước đạt 1102 triệu tấn, tăng 6,1% và 98,8 tỷ tấn.km, tăng 6,9%;
- Vận tải ngoài nước đạt 31,9 triệu tấn, tăng 3,8% và 128 tỷ tấn.km, tăng 0,3%.
- Vận tải hàng hoá đường bộ đạt 874 triệu tấn, tăng 6,6% và 50,1 tỷ tấn.km, tăng 6,9%;
- Vận tải đường sông đạt 194,6 triệu tấn, tăng 4,5% và 39,9 tỷ tấn.km, tăng 4,9%;
- Vận tải đường biển đạt 58,4 triệu tấn, tăng 4% và 132 tỷ tấn.km, tăng 1,4%;
- Vận tải đường sắt đạt 6,7 triệu tấn, giảm 7,1% và 4,2 tỷ tấn.km, giảm 2,5%.

Nhận xét: Tình hình vận tải nhìn chung trong năm 2015 tăng trưởng thấp.

3.2. Các doanh nghiệp cùng ngành (Số liệu 9 tháng):

▪ Công ty CP Transimex Saigon:

- Doanh thu đạt 110%, Lợi nhuận đạt 137% so với năm 2014.

▪ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinalink):

- Doanh thu đạt 115%, Lợi nhuận đạt 125% so với năm 2014.

▪ Công ty CP Gemadept (Gemadept):

- Doanh thu đạt 127%, Lợi nhuận đạt 58,4% so với năm 2014.

▪ Công ty CP Giao nhận vận tải và Thương mại (Vinafreight):

- Doanh thu đạt 129%, Lợi nhuận đạt 130% so với năm 2014.
- **CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Tân Cảng Logistics):**
- Doanh thu đạt 98,8%, Lợi nhuận đạt 96,3% so với năm 2014.

Nhận xét: Các công ty trong ngành có doanh thu đều tăng rất khả quan. Lợi nhuận hiện cũng tăng khá ấn tượng. Một số Công ty lợi nhuận giảm do tăng vượt bậc năm trước nhờ vào lợi nhuận tài chính. Sotrans có doanh thu đạt 113% và lợi nhuận mảng kinh doanh cốt lõi đạt 121.1% so với cùng kỳ cũng là một trong những công ty tăng trưởng mạnh.

3.3. Thuận lợi & Cơ hội:

- Tình hình chính trị, xã hội tại Việt Nam tương đối ổn định;
- Kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi.
- Quyết tâm cải cách thể chế kinh tế từ chính phủ bằng việc cổ phần hóa một số tập đoàn, tổng công ty lớn của nhà nước.
- Dịch chuyển đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia từ Trung Quốc sang Việt Nam và một số nước khác

3.4. Khó khăn & thách thức:

- Cấm tải và hạn chế tải trọng trong vận chuyển đường bộ làm giá thành vận tải tăng cao, ảnh hưởng đến giá đầu vào của công ty.
- Tình hình cạnh tranh gay gắt của các Forwarder, hãng tàu, hãng hàng không để tồn tại dẫn đến việc giá thành dịch vụ bị sụt giảm.
- Tình hình xuất nhập khẩu tăng trưởng không cao.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	So 2014	So KH
	(Tỷ VND)	%	%
Doanh thu	1.005	111,6	106,9
Lợi nhuận trước thuế	32.7	84,3	84,9

Hoạt động KD cốt lõi	41.8	121,1	108,7
Thu nhập bình quân	14.9	109,6	

4.2. Thực hiện SXKD năm 2015 theo khối kinh doanh:

▪ **Doanh thu:**

Khoản mục	Kế hoạch năm 2015 (đồng)	Ước thực hiện năm 2015 (đồng)	Thực hiện năm 2014 (đồng)	So sánh kết quả ước thực hiện năm 2015 với	
				Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2014
Doanh thu	940,000,000,000	1,005,677,752,890	901,113,287,692	107.0%	111.6%
Khối Cước	297,000,000,000	392,982,803,031	309,553,219,904	132.3%	127.0%
- Đường Không	135,000,000,000	215,594,678,297	169,294,252,753	159.7%	127.3%
- Đường Biển	162,000,000,000	177,388,124,734	140,258,967,151	109.5%	126.5%
Khối Kho và Giao Nhận	235,000,000,000	234,184,493,012	213,766,295,754	99.7%	109.6%
- Kho	45,000,000,000	82,435,531,542	64,256,075,858	183.2%	128.3%
- Giao Nhận	190,000,000,000	151,748,961,470	149,510,219,896	79.9%	101.5%
Kinh doanh xăng dầu	270,000,000,000	217,989,789,833	232,721,995,213	80.7%	93.7%
Chi nhánh Hà Nội	58,000,000,000	56,192,155,782	53,325,065,097	96.9%	105.4%
Khác (ICD + ...)	80,000,000,000	104,328,511,232	91,746,711,724		

▪ **Lợi nhuận gộp:**

Khoản mục	Ước thực hiện Năm 2015	Thực hiện năm 2014	So sánh kết quả ước thực hiện năm 2015 với Thực hiện năm 2014
Lợi nhuận gộp	158,172,510,248	139,569,359,825	113.3%
Khối Cước	31,466,055,836	22,822,917,332	137.9%
- Đường Không	12,116,363,553	8,641,596,543	140.2%
- Đường Biển	19,349,692,283	14,181,320,789	136.4%
Khối Kho và Giao Nhận	59,193,615,859	49,850,139,148	118.7%
- Kho	40,227,097,685	31,540,274,640	127.5%
- Giao Nhận	18,966,518,174	18,309,864,508	103.6%
Kinh doanh xăng dầu	15,635,577,175	9,660,792,043	161.8%
Chi nhánh Hà Nội	7,276,361,885	4,761,640,058	152.8%
Khác	44,600,899,493	52,473,871,244	

4.3. Các hoạt động chính trong năm:

▪ Chuyển đổi cơ cấu cổ đông:

- Trong năm Công ty đã chuyển đổi cơ cấu cổ đông từ sở hữu nhà nước chiếm đa số sang loại hình doanh nghiệp không còn vốn sở hữu nhà nước.
- Thời gian tiến hành chuyển đổi: 06-07/2015.

▪ Tái cơ cấu tổ chức:

- Để phù hợp xu hướng phát triển và tình hình thị trường Công ty đã triển khai tái cơ cấu tổ chức với việc phát triển các khối kinh doanh như sau:
- Khối Kho và Giao nhận trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị cũ là XN DV Kho bãi Cảng và XN DV Kho Vận Giao Nhận.
- Khối Cước Quốc Tế trên cơ sở sáp nhập XN ĐL GNVN Quốc Tế và XN GNVN QT Tiêu Điểm.
- Chi nhánh Hà Nội không thay đổi.
- XN Vật tư Xăng dầu không thay đổi.
- Thành lập Công ty CP Cảng Miền Nam trên cơ sở Cảng Kho Vận.

▪ Mở rộng hệ thống, mạng lưới:

- Trong năm Công ty tiến hành phát triển hệ thống với việc mở rộng hoạt động tại Văn Phòng Quảng Ninh, Hải Phòng, Cần Thơ.
- Mua cổ phần của công ty MHC.
- Ký kết hợp tác chiến lược với Công ty ITL.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

TRẦN QUYẾT THẮNG

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2016

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2016 như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TỈ LỆ	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Doanh thu	đồng		1,034,259,442,857
2	Chi phí hoạt động	"		970,432,668,184
	Trong đó:			
2.1	Giá vốn hàng bán	"		879,188,486,925
2.2	Chi phí bán hàng	"		2,613,562,887
2.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"		88,630,618,372
3	Hoạt động tài chính			
	Doanh thu từ hoạt động tài chính	"		32,590,578,000
	Chi phí hoạt động tài chính	"		55,922,574,885
	Trong đó: chi phí lãi vay	"		55,922,574,885
	Lỗ từ hoạt động tài chính	"		(23,331,996,885)
4	Lợi nhuận trước thuế	"		40,494,777,788
5	Cổ tức			dự kiến không chi trả cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông

- Lưu VT - KT.



TRẦN QUYẾT THẮNG

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Tr� g tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2015
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho đến trước ngày 29 tháng 9 năm 2015
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Việt Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 61113814-17794248-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		535.614.669.117	186.285.094.928
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	418.025.035.540	57.119.281.063
111	1. Tiền		18.025.035.540	42.119.281.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.000.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.470.579.700	2.667.778.040
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	6.979.120.100
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.119.692.858)	(4.311.342.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	111.257.663.439	122.707.132.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		86.786.969.665	87.740.596.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.837.763.919	18.358.543.305
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		19.418.044.172	18.996.566.113
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		301.358.567	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.850.341.588	1.053.460.876
141	1. Hàng tồn kho		4.132.598.591	1.053.460.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.011.048.850	2.737.442.323
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		591.122.954	839.817.529
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		419.925.896	1.897.624.794
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		136.396.724.921	69.957.932.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.559.580.000	4.740.855.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.362.700.000	4.585.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		196.880.000	155.355.000
220	II. Tài sản cố định		56.719.743.288	33.382.577.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.432.193.288	32.078.319.131
222	Nguyên giá		132.967.865.523	105.644.109.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.535.672.235)	(73.565.790.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.287.550.000	1.304.258.125
228	Nguyên giá		2.465.843.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.178.293.779)	(1.161.585.654)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.600.778.947	26.118.194.232
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.600.778.947	26.118.194.232
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		69.174.809.527	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	2.732.432.827	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	75.558.898.375	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(9.116.521.675)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.341.813.159	5.716.305.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.904.596.959	4.950.921.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	437.216.200	765.384.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		672.011.394.038	256.243.027.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		492.651.580.383	100.138.786.117
310	I. Nợ ngắn hạn		94.210.699.383	94.994.343.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.909.011.939	67.710.073.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		493.280.129	255.291.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.049.416.177	6.559.800.227
314	4. Phải trả người lao động		8.820.845.509	12.722.961.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		709.293.361	3.351.151.505
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.254.871.690	4.395.065.731
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.973.980.578	-
330	II. Nợ dài hạn		398.440.881.000	5.144.442.250
337	1. Phải trả dài hạn khác		254.800.000	1.665.422.000
338	2. Vay dài hạn	17	396.000.000.000	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.186.081.000	3.479.020.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		179.359.813.655	156.104.241.204
410	I. Vốn chủ sở hữu		179.359.813.655	156.104.241.204
411	1. Vốn cổ phần	19.1	137.803.490.000	83.518.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.803.490.000	83.518.570.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	8.378.540.122	8.097.890.172
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	7.276.861.099	28.139.561.099
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	12.400.649.915	33.424.359.950
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		-	6.129.664.204
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.400.649.915	27.294.695.746
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	13.500.272.519	2.923.859.983
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		672.011.394.038	256.243.027.321


Phạm Thị Thanh Vân
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(853.691.620.124)	(758.444.868.357)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.905.017.903	114.278.876.128
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.221.943.586	11.771.926.847
22	6. Chi phí tài chính	23	(11.032.424.485)	(840.131.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.831.408.810)	(836.744.834)
24	7. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	12.1	(1.429.627.173)	1.580.778.438
25	8. Chi phí bán hàng	24, 25	(75.519.456.828)	(54.687.973.220)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(33.879.929.230)	(36.166.259.207)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.265.523.773	35.937.217.917
31	11. Thu nhập khác		478.607.204	279.174.814
32	12. Chi phí khác	26	(2.687.943.954)	(145.693.934)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.209.336.750)	133.480.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.056.187.023	36.070.698.797
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.352.152.240)	(8.771.088.250)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(328.168.255)	765.384.455
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.375.866.528	28.064.995.002
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		24.599.453.992	28.076.986.548
62	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	776.412.536	(11.991.546)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		34.056.187.023	36.070.698.797
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.897.790.232	4.584.775.075
03	Các khoản dự phòng		9.612.090.258	359.106.806
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.966.819)	20.569.465
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		766.466.545	(7.593.356.386)
06	Chi phí lãi vay	23	1.831.408.810	836.744.834
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.161.976.049	34.278.538.591
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.969.840.243	(59.193.160.330)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.079.137.715)	919.737.075
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.575.515.795)	46.818.033.219
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.295.019.066	(3.580.600.673)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.388.847.542	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.408.810)	(836.744.834)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.079.945)	(4.537.883.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.540.622.174	5.959.439.758
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(7.717.540.979)	(37.143.741.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	67.909.090
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(79.720.958.375)	-
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.331.914.394
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.334.634.494	6.059.278.827
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(85.103.864.860)	(22.684.639.228)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	20	9.800.000.000	1.470.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	766.660.711.188	86.814.260.874
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(352.686.730.610)	(86.814.260.874)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.4	(8.341.894.700)	(10.029.293.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		415.432.085.878	(8.559.293.400)
50	Tăng (giảm) thuần tiền và tương đương tiền trong năm		360.868.843.192	(25.284.492.870)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.119.281.063	82.403.070.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.911.285	703.277
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	418.025.035.540	57.119.281.063



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và một công ty liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trợ giúp tài chính cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013.

Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

SORECO có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 10,2 tỷ VNĐ vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn với một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ nhất.

Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

SII có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 400 tỷ vốn điều lệ vào công ty con này.

Công ty liên kết

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ.

Gefco – Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 346 (31 tháng 12 năm 2014: 351).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các thông tư dưới đây:

3.1.1 *Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh* (tiếp theo)

3.1.2 *Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn và đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và hoàn đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 200, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Nhóm Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trợ g yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhót trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Tiền mặt	790.534.933	2.475.936.800
Tiền gửi ngân hàng	17.234.500.607	39.643.344.263
Các khoản tương đương tiền	400.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	418.025.035.540	57.119.281.063

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VNĐ					
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)	4.516.720.100	1.562.878.040	(2.953.842.060)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)	507.036.000	44.684.640	(462.351.360)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	639.018	159.000	(480.018)	639.018	387.000	(252.018)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	368.771	263.400	(105.371)	1.150.320.000	597.040.400	(553.279.600)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	112.322	66.600	(45.722)	1.396.647.832	777.150.000	(619.497.832)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	-	1.462.077.250	143.616.000	(1.318.461.250)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)	2.462.400.000	1.104.900.000	(1.357.500.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)	1.537.500.000	180.000.000	(1.357.500.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)	6.979.120.100	2.667.778.040	(4.311.342.060)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	86.786.969.665	87.740.596.060
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	37.212.750	10.958.814.275
Các khoản phải thu khách hàng khác	86.749.756.915	76.781.781.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.837.763.919	18.358.543.305
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	14.932.587.814
Các khoản trả trước khác	3.063.946.305	3.425.955.491
Phải thu ngắn hạn khác	19.418.044.172	18.996.566.113
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	10.805.975.900	7.731.092.994
Tạm ứng cho nhân viên	6.181.412.821	6.217.850.332
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.298.000	1.395.998.000
Phải thu cổ tức	-	1.611.890.533
Phải thu khác	349.357.451	2.039.734.254
Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho	301.358.567	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
GIÁ TRỊ THUẦN	111.257.663.439	122.707.132.626

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Số đầu năm	(2.388.572.852)	(1.811.381.686)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.935.017.509)	(646.050.469)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	237.117.477	68.859.303
Số cuối năm	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	4.132.598.591	1.053.460.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(282.257.003)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	3.850.341.588	1.053.460.876

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

		VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn - Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	3.362.700.000	4.585.500.000
Phải thu dài hạn khác - Ký quỹ, ký cược dài hạn	196.880.000	155.355.000
TỔNG CỘNG	3.559.580.000	4.740.855.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	48.325.609.729	6.007.517.506	49.611.686.456	1.699.295.568	105.644.109.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.843.737.173	-	-	-	29.843.737.173
Mua trong năm	-	-	-	391.219.091	391.219.091
Thanh lý trong năm	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>	34.784.931.994	4.117.889.687	22.584.479.426	952.999.565	62.440.300.672
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	41.591.684.373	4.470.766.014	26.287.770.670	1.215.569.071	73.565.790.128
Khấu hao trong năm	2.259.922.721	371.709.419	4.033.026.419	216.423.548	6.881.082.107
Thanh lý trong năm	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	6.733.925.356	1.536.751.492	23.323.915.786	483.726.497	32.078.319.131
Số cuối năm	34.317.739.808	1.165.042.073	19.290.889.367	658.522.040	55.432.193.288

Nhóm Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 34.317.739.808 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Trang web	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	999.722.625	161.863.029	1.161.585.654
Hao mòn trong năm	-	16.708.125	-	16.708.125
Số cuối năm	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.287.550.000	16.708.125	-	1.304.258.125
Số cuối năm	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Km9 Xa Lộ Hà Nội	3.600.778.947	2.805.200.000
Dự án kho Long Bình	-	23.312.994.232
TỔNG CỘNG	3.600.778.947	26.118.194.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	VNĐ
	<i>Gefco – Sotrans Logistics</i>
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	-
Tăng giá trị đầu tư	4.162.060.000
Số cuối năm	4.162.060.000
Phản lũy kế lỗ sau khi đầu tư:	
Số đầu năm	-
Phản lỗ trong năm	(1.429.627.173)
Số cuối năm	(1.429.627.173)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	2.732.432.827

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VNĐ. Nhóm Công ty đã cam kết góp đủ vốn tương đương 49% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã góp 4.162.060.000 VNĐ vào Gefco - Sotrans Logistics, tương ứng 24,5% tỷ lệ sở hữu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Gefco – Sotrans Logistics giảm từ 49% xuống còn 24,5% theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VNĐ		
	Số cuối năm		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
Đầu tư cổ phiếu niêm yết - Công ty Cổ phần MHC ("MHC")	4.342.639	75.558.898.375	16,02
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.116.521.675)	
GIÁ TRỊ THUẦN		66.442.376.700	

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") ngày 7 tháng 12 năm 2015, HĐQT thống nhất thông qua việc mua cổ phiếu MHC. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ nắm giữ đến 20,01% tỷ lệ sở hữu trong MHC để có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động của công ty này cho các mục tiêu đầu tư lâu dài.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Nhóm Công ty.

Tất cả cổ phiếu của MHC với giá trị còn lại là 66.442.376.700 VNĐ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và trái phiếu thường trong nước của Nhóm Công ty. Chi tiết của khoản vay và trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.1 và 17.2.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.823.316.285	4.552.926.763
Công cụ, dụng cụ	81.280.674	397.994.687
TỔNG CỘNG	2.904.596.959	4.950.921.450

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	491.700.000	-
Phải trả cho Công ty Unitex Logistics Limited	398.883.248	9.860.051.117
Phải trả người bán khác	56.018.428.691	57.850.022.433
TỔNG CỘNG	56.909.011.939	67.710.073.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp/ Cấn trừ	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.332.100.279	55.306.904.592	(54.325.280.396)	2.313.724.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 27.1)	3.118.268.851	8.352.152.240	(10.115.918.461)	1.354.502.630
Thuế thu nhập cá nhân	291.045.087	3.104.684.472	(3.014.540.487)	381.189.072
Tiền thuế đất	1.818.386.010	8.517.366.042	(10.335.752.052)	-
Các loại thuế khác	-	1.151.566.963	(1.151.566.963)	-
TỔNG CỘNG	6.559.800.227	76.432.674.309	(78.943.058.359)	4.049.416.177

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ	2.460.861.365	1.795.637.761
Phí hoa hồng	1.085.957.547	722.297.702
Cổ tức phải trả	183.567.363	173.605.063
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.524.485.415	1.703.525.205
TỔNG CỘNG	5.254.871.690	4.395.065.731

17. VAY

	VNĐ		
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay
Vay ngắn hạn -			
Vay từ đơn vị khác			
(Thuyết minh số 17.1)	- 35.671.418.775	(17.697.438.197)	17.973.980.578
Vay dài hạn - Trái phiếu thường trong nước			
(Thuyết minh số 17.2)	- 396.000.000.000	-	396.000.000.000
Vay từ bên khác	- 334.989.292.413	(334.989.292.413)	-
TỔNG CỘNG	- 766.660.711.188	(352.686.730.610)	413.973.980.578

17.1 Vay ngắn hạn

Nhóm Công ty có khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán IB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch mua chứng khoán niêm yết. Số cuối năm được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		%/năm	
C000052/2015/IB SC/HĐ-GDKQ	17.973.980.578	Từ 14 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2016	13,50	Toàn bộ chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn</i>
		VNĐ	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(4.000.000.000)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>396.000.000.000</u>	

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Nhóm Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VNĐ từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VNĐ từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.614.669 cổ phiếu tương đương 20,71% tỷ lệ sở hữu trong MHC và 36.905.000 cổ phiếu tương đương 55% tỷ lệ sở hữu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phầ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	83.518.570.000	6.894.818.939	23.316.847.261	4.822.713.838	19.949.114.757	138.502.064.795
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	28.076.986.548	28.076.986.548
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(10.022.228.400)	(10.022.228.400)
Trích lập các quỹ	-	1.203.071.233	-	-	(3.809.213.699)	(2.606.142.466)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(770.299.256)	(770.299.256)
Số cuối năm	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.424.359.950	153.180.381.221
Năm nay						
Số đầu năm						
(đã được trình bà trước đây)	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.424.359.950	153.180.381.221
Trình bày lại (Thuyết minh số 32)	-	-	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-	-
Số đầu năm						
(được trình bà lại)	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.424.359.950	153.180.381.221
Tăng vốn trong năm (i)	41.758.430.000	-	(20.862.700.000)	-	(20.895.730.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	12.526.490.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24.599.453.992	24.599.453.992
Trích lập các quỹ	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Số cuối năm	137.803.490.000	8.378.540.122	7.276.861.099	-	12.400.649.915	165.859.541.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 4.175.928 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết trên. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.252.778 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.428.492 cổ phiếu trị giá 54.284.920.000 VNĐ, trong đó 4.175.843 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 41.758.430.000 VNĐ) và 1.252.649 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 12.526.490.000 VNĐ). Công ty cũng đã nộp báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 9 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Công ty đã công bố trả tạm ứng cổ tức bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết của HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2015, tương đương với 8.351.857.000 VNĐ.

Phần cổ tức còn lại tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu được trả bằng hình thức phát hành thêm 1.252.649 cổ phiếu, tương đương với 12.526.490.000 VNĐ, như đã trình bày trên.

Ngày 8 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 455/QĐ-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chi trả cổ tức này.

19.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VNĐ)	24.599.453.992	28.076.986.548
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	(3.203.000.000)	(3.006.499.500)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	21.396.453.992	25.070.487.048
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)	13.780.349	13.780.349
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ)		
- Lãi cơ bản	1.553	1.819
- Lãi suy giảm	1.553	1.819

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trong năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

19.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	20.878.347.000	16.703.714.000
Trong đó:		
Cổ tức đã trả trong năm	8.341.894.700	10.029.293.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	SORECO	Cảng Miền Nam	VNĐ Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Vốn điều lệ đã góp	2.940.000.000	9.800.000.000	12.740.000.000
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	(16.770.384)	777.042.903	760.272.519
	2.923.229.616	10.577.042.903	13.500.272.519
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phần (lỗ) lợi nhuận sau khi mua	(630.367)	777.042.903	776.412.536

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.218.053.135	643.775.442.340
Doanh thu bán hàng hóa	214.378.584.892	228.948.302.145
TỔNG CỘNG	1.010.596.638.027	872.723.744.485

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	558.782.958	212.540.880
Lãi tiền gửi	554.450.628	2.407.710.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.710.000	5.123.042.492
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	4.028.633.274
TỔNG CỘNG	1.221.943.586	11.771.926.847

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	652.798.853.991	538.326.936.906
Giá vốn của hàng hóa đã bán	200.892.766.133	220.117.931.451
TỔNG CỘNG	853.691.620.124	758.444.868.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
giảm giá các khoản đầu tư	8.312.704.986	(218.084.360)
Chi phí lãi vay	1.831.408.810	836.744.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	821.282.660	221.470.595
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.028.029	-
TỔNG CỘNG	11.032.424.485	840.131.069

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	75.519.456.828	54.687.973.220
Trong đó:		
Chi phí lương	48.093.464.975	38.049.331.373
Chi phí bán hàng khác	27.425.991.853	16.638.641.847
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.879.929.230	36.166.259.207
Trong đó:		
Chi phí lương	15.557.378.546	14.961.713.999
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.697.900.032	577.191.166
Tiền thuê đất	2.555.209.813	4.717.838.807
Trợ cấp thôi việc	130.536.500	3.704.775.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.938.904.339	12.204.739.422

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.070.930.924	554.626.499.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	200.892.766.133	220.351.933.023
Chi phí nhân công	63.650.843.521	53.011.045.372
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	6.897.790.232	4.584.775.075
Chi phí khác	27.578.675.372	16.724.847.763
TỔNG CỘNG	963.091.006.182	849.299.100.784

26. CHI PHÍ KHÁC

		VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	2.611.809.327	141.024.183
Chi phí khác	76.134.627	4.669.751
TỔNG CỘNG	2.687.943.954	145.693.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập tính thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.056.187.023	36.070.698.797
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.976.969.640	1.363.933.907
Lỗ từ công ty liên kết	1.429.627.173	2.722.502.682
Lỗ của các công ty con	4.786.463	24.472.542
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(1.292.939.250)	3.479.020.250
Thu nhập không chịu thuế	(108.710.000)	(5.123.042.492)
Thu nhập chịu thuế ước tính	37.065.921.049	38.537.585.686
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	8.154.502.630	8.478.268.851
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	197.649.610	292.819.399
Chi phí thuế TNDN trong năm	8.352.152.240	8.771.088.250
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.118.268.851	2.255.660.387
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.354.502.630	3.118.268.851

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	437.216.200	765.384.455	(328.168.255)	765.384.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ</i>	
				<i>Năm trước</i>	
Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans	Công ty liên kết	Trả hộ	1.332.503.636	-	

Khoản phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>VNĐ</i>	
				<i>Số đầu năm</i>	

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	Bên liên quan	Mua dịch vụ	491.700.000	-	
--	---------------	-------------	-------------	---	--

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	4.037.703.218	2.713.464.587

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.616.464.307	11.924.311.440
Từ 1 đến 5 năm	23.921.132.080	25.005.348.160
Trên 5 năm	483.623.920	5.835.286.969
TỔNG CỘNG	36.021.220.307	42.764.946.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	18.449	15.793
- Đồng Euro (EUR)	1.658	1.292
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040
Giá trị ước tính của vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	428.118.897.001	454.770.114.513

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhớt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VNĐ		
	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu , nhớt	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	796.218.053.135	214.378.584.892	1.010.596.638.027
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	1.682.276.574	1.682.276.574
	796.218.053.135	216.060.861.466	1.012.278.914.601
Đối chiếu:			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(1.682.276.574)
Doanh thu trong năm			1.010.596.638.027
Lợi nhuận bộ phận	38.345.129.181	5.300.721.010	43.645.850.191
Đối chiếu:			
Lãi tiền gửi			554.450.628
Chi phí lãi vay			(1.831.408.810)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(8.312.704.986)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			34.056.187.023
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	6.819.844.949	77.945.283	6.897.790.232
Dự phòng phải thu khó đòi	450.980.173	4.246.919.859	4.697.900.032
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	282.257.003	282.257.003
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Tài sản bộ phận	193.960.639.598	27.064.600.197	221.025.239.795
Đối chiếu:			
Phải thu bộ phận			(21.088.862.157)
Tài sản không phân bổ			472.075.016.400
Tổng tài sản			672.011.394.038
Nợ phải trả bộ phận	93.790.723.922	5.975.738.040	99.766.461.962
Đối chiếu:			
Phải trả bộ phận			(21.088.862.157)
Nợ phải trả không phân bổ			413.973.980.578
Tổng nợ phải trả			492.651.580.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VNĐ		
	Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải	Kinh doanh xăng dầu , nhớt	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	643.775.442.340	228.948.302.145	872.723.744.485
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	2.703.453.933	2.703.453.933
	643.775.442.340	231.651.756.078	875.427.198.418
<u>Đối chiếu:</u>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(2.703.453.933)
Doanh thu trong năm			872.723.744.485
Lợi nhuận bộ phận	34.139.129.298	3.835.201.358	37.974.330.656
<u>Đối chiếu:</u>			
Lãi tiền gửi			2.407.710.201
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(4.311.342.060)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			36.070.698.797
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	4.474.767.613	110.007.462	4.584.775.075
Dự phòng phải thu khó đòi	335.894.541	241.296.625	577.191.166
Chi phí lãi vay	-	836.744.834	836.744.834

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản bộ phận	151.403.753.903	28.236.343.413	179.640.097.316
<u>Đối chiếu:</u>			
Phải thu bộ phận			(24.625.265.729)
Tài sản không phân bổ			101.228.195.734
Tổng tài sản			256.243.027.321
Nợ phải trả bộ phận	74.543.498.981	28.236.343.413	102.779.842.394
<u>Đối chiếu:</u>			
Phải trả bộ phận			(24.625.265.729)
Nợ phải trả không phân bổ			21.984.209.452
Tổng nợ phải trả			100.138.786.117

Một vài dữ liệu tương ứng trên thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày trên thông tin bộ phận năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay, chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	VNĐ Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Trả trước cho người bán	22.944.043.305	(22.944.043.305)	-
Trả trước người bán ngắn hạn	-	18.358.543.305	18.358.543.305
Trả trước người bán dài hạn	-	4.585.500.000	4.585.500.000
Phải thu khác	11.382.717.781	(11.382.717.781)	-
Tài sản ngắn hạn khác	7.613.848.332	(7.613.848.332)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	18.996.566.113	18.996.566.113
Thuế GTGT được khấu trừ	274.017.310	1.623.607.484	1.897.624.794
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.623.607.484	(1.623.607.484)	-
Tài sản dài hạn khác	155.355.000	(155.355.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	155.355.000	155.355.000
Phải trả dài hạn khác	5.144.442.250	(3.479.020.250)	1.665.422.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.479.020.250	3.479.020.250
Quỹ đầu tư và phát triển	23.316.847.261	4.822.713.838	28.139.561.099
Quỹ dự phòng tài chính	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-
			VNĐ
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Năm trước (được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thu nhập khác	284.480.211	(5.305.397)	279.174.814
Chi phí khác	(150.999.331)	5.305.397	(145.693.934)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm. Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành này là để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VNĐ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành GCNĐKKD điều chỉnh từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 12.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 35

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Tr� g tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2015
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2015
		cho đến trước ngày 29 tháng 9 năm 2015
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Việt Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Bìn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61113814 – 17794248

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) được lập ngày 3 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Hạng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		128.412.292.020	183.123.233.738
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	12.189.528.769	55.985.234.549
111	1. Tiền		12.189.528.769	40.985.234.549
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.470.579.700	2.667.778.040
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	6.979.120.100
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.119.692.858)	(4.311.342.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	110.234.741.884	120.938.227.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		86.572.360.602	87.740.596.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.837.103.127	18.358.543.305
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		18.610.392.472	17.227.661.113
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		301.358.567	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.850.341.588	1.053.460.876
141	1. Hàng tồn kho		4.132.598.591	1.053.460.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		667.100.079	2.478.532.647
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		574.602.499	839.817.529
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		92.497.580	1.638.715.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		547.480.573.147	70.212.732.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.554.580.000	4.740.855.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.362.700.000	4.585.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		191.880.000	155.355.000
220	II. Tài sản cố định		56.719.743.288	33.382.577.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.432.193.288	32.078.319.131
222	Nguyên giá		132.967.865.523	105.644.109.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.535.672.235)	(73.565.790.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.287.550.000	1.304.258.125
228	Nguyên giá		2.465.843.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.178.293.779)	(1.161.585.654)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	23.312.994.232
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	23.312.994.232
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	483.864.436.700	3.060.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		413.260.000.000	3.060.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4.162.060.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		75.558.898.375	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.116.521.675)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.341.813.159	5.716.305.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.904.596.959	4.950.921.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	437.216.200	765.384.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		675.892.865.167	253.335.966.131

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		509.391.500.908	100.138.786.117
310	I. Nợ ngắn hạn		110.980.619.908	94.994.343.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	53.265.750.406	67.710.073.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	16.445.146.193	255.291.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.597.733.162	6.559.800.227
314	4. Phải trả người lao động		7.737.494.518	12.722.961.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		709.293.361	3.351.151.505
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.251.221.690	4.395.065.731
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.973.980.578	-
330	II. Nợ dài hạn		398.410.881.000	5.144.442.250
337	1. Phải trả dài hạn khác		224.800.000	1.665.422.000
338	2. Vay dài hạn	17	396.000.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.186.081.000	3.479.020.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19.1	166.501.364.259	153.197.180.014
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	166.501.364.259	153.197.180.014
411	1. Vốn cổ phần		137.803.490.000	83.518.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.803.490.000	83.518.570.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		8.378.540.122	8.097.890.172
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.276.861.099	28.139.561.099
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.042.473.038	33.441.158.743
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	3.399.487.773
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		13.042.473.038	30.041.670.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		675.892.865.167	253.335.966.131

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	996.109.538.956	872.723.744.485
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	996.109.538.956	872.723.744.485
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 24	(849.201.753.017)	(758.444.868.357)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.907.785.939	114.278.876.128
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.176.039.085	16.053.167.700
22	6. Chi phí tài chính	22	(11.032.424.485)	(840.131.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.831.408.810)	(836.744.834)
25	7. Chi phí bán hàng	23, 24	(69.354.231.992)	(54.687.973.220)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 24	(32.031.430.422)	(36.119.756.898)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.665.738.125	38.684.182.641
31	10. Thu nhập khác		478.607.204	279.174.814
32	11. Chi phí khác	25	(2.686.823.954)	(145.683.434)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.208.216.750)	133.491.380
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.457.521.375	38.817.674.021
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(7.904.874.798)	(8.771.088.250)
52	15. (Lỗ) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.2	(328.168.255)	765.384.455
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.224.478.322	30.811.970.226



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		33.457.521.375	38.817.674.021
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.897.790.232	4.584.775.075
03	Các khoản dự phòng		9.612.090.258	359.106.806
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.966.819)	20.569.465
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(617.256.127)	(7.571.316.119)
06	Chi phí lãi vay	22	1.831.408.810	836.744.834
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.179.587.729	37.047.554.082
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.287.413.138	(60.300.014.336)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.079.137.715)	919.737.075
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.378.355.528)	46.818.033.219
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.311.539.521	(3.580.600.673)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.388.847.542	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.408.810)	(836.744.834)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.079.945)	(4.537.883.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.089.487.471	7.621.601.243
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(6.921.962.032)	(34.347.181.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	67.909.090
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(489.920.958.375)	(1.530.000.000)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.331.914.394
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.288.729.993	6.037.238.560
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(494.554.190.414)	(21.440.119.495)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		766.660.711.188	86.814.260.874
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(352.686.730.610)	(86.814.260.874)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.3	(8.341.894.700)	(10.029.293.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		405.632.085.878	(10.029.293.400)
50	Giảm thuần tiền và tương đương tiền trong năm		(43.832.617.065)	(23.847.811.652)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.985.234.549	79.832.342.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.911.285	703.277
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	12.189.528.769	55.985.234.549


Phạm Thị Thanh Vân
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Tr�ng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 257 (31 tháng 12 năm 2014: 348).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 **Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.8 **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong ba năm.

3.10 **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.11 **Các khoản đầu tư**

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trợ g yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	722.141.171	2.460.930.300
Tiền gửi ngân hàng	11.467.387.598	38.524.304.249
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	12.189.528.769	55.985.234.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			VNĐ
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)	4.516.720.100	1.562.878.040	(2.953.842.060)	
Trong đó:							
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)	507.036.000	44.684.640	(462.351.360)	
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	639.018	159.000	(480.018)	639.018	387.000	(252.018)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	368.771	263.400	(105.371)	1.150.320.000	597.040.400	(553.279.600)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	112.322	66.600	(45.722)	1.396.647.832	777.150.000	(619.497.832)	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	-	1.462.077.250	143.616.000	(1.318.461.250)	
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)	2.462.400.000	1.104.900.000	(1.357.500.000)	
Trong đó:							
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)	1.537.500.000	180.000.000	(1.357.500.000)	
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-	
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-	
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-	
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)	6.979.120.100	2.667.778.040	(4.311.342.060)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	86.572.360.602	87.740.596.060
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	37.212.750	10.958.814.275
Các khoản phải thu khách hàng khác	86.070.192.852	76.781.781.785
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	464.955.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.837.103.127	18.358.543.305
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	14.932.587.814
Các khoản trả trước khác	3.063.285.513	3.425.955.491
Phải thu ngắn hạn khác	18.610.392.472	17.227.661.113
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	10.805.975.900	7.731.092.994
Tạm ứng cho nhân viên	5.381.027.821	4.448.945.332
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.298.000	1.395.998.000
Phải thu cổ tức	-	1.611.890.533
Phải thu khác	342.090.751	2.039.734.254
Tài sản thiếu chờ xử lý - Hàng tồn kho	301.358.567	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
GIÁ TRỊ THUẦN	110.234.741.884	120.938.227.626

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.388.572.852)	(1.811.381.686)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.935.017.509)	(646.050.469)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	237.117.477	68.859.303
Số cuối năm	(7.086.472.884)	(2.388.572.852)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ Năm trước</i>
Hàng hóa	4.132.598.591	1.053.460.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(282.257.003)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	3.850.341.588	1.053.460.876

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VNĐ Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán dài hạn – Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	3.362.700.000	4.585.500.000
Phải thu dài hạn khác – Ký quỹ, ký cược dài hạn	191.880.000	155.355.000
TỔNG CỘNG	3.554.580.000	4.740.855.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	48.325.609.729	6.007.517.506	49.611.686.456	1.699.295.568	105.644.109.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.843.737.173	-	-	-	29.843.737.173
Mua trong năm	-	-	-	391.219.091	391.219.091
Thanh lý	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	75.258.146.902	6.007.517.506	49.611.686.456	2.090.514.659	132.967.865.523
Trong đó:					
<i>Đã khấu hao hết</i>	34.784.931.994	4.117.889.687	22.584.479.426	952.999.565	62.440.300.672
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	41.591.684.373	4.470.766.014	26.287.770.670	1.215.569.071	73.565.790.128
Khấu hao trong năm	2.259.922.721	371.709.419	4.033.026.419	216.423.548	6.881.082.107
Thanh lý	(2.911.200.000)	-	-	-	(2.911.200.000)
Số cuối năm	40.940.407.094	4.842.475.433	30.320.797.089	1.431.992.619	77.535.672.235
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	6.733.925.356	1.536.751.492	23.323.915.786	483.726.497	32.078.319.131
Số cuối năm	34.317.739.808	1.165.042.073	19.290.889.367	658.522.040	55.432.193.288

Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 34.317.739.808 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	1.287.550.000	1.016.430.750	161.863.029	2.465.843.779
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	999.722.625	161.863.029	1.161.585.654
Hao mòn trong năm	-	16.708.125	-	16.708.125
Số cuối năm	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.287.550.000	16.708.125	-	1.304.258.125
Số cuối năm	1.287.550.000	-	-	1.287.550.000

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 11.1)	413.260.000.000	-	3.060.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	4.162.060.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	75.558.898.375	(9.116.521.675)	-	-
TỔNG CỘNG	492.980.958.375	(9.116.521.675)	3.060.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (i)	Logistic	Đang hoạt động	100,00	400.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (ii)	Logistic	Đang hoạt động	51,00	10.200.000.000	-	-
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (iii)	Bất động sản	Trước hoạt động	51,00	3.060.000.000	51,00	3.060.000.000
TỔNG CỘNG				413.260.000.000		3.060.000.000

- (i) Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ nhất. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 400 tỷ VNĐ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 10,2 tỷ VNĐ vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.
- (iii) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo CNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”), một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VNĐ. Công ty đã cam kết góp đủ vốn tương đương 49% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chỉ góp 4.162.060.000 VNĐ vào Gefco - Sotrans Logistics, tương ứng 24,5% tỷ lệ sở hữu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Gefco – Sotrans Logistics giảm từ 49% xuống còn 24,5% theo các quy định hiện hành.

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MHC (“MHC”). Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sở hữu 4.342.639 cổ phiếu tương đương 16,02% vốn chủ sở hữu của MHC.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) ngày 7 tháng 12 năm 2015, HĐQT thống nhất thông qua việc mua cổ phiếu MHC. Theo đó, Công ty sẽ nắm đến 20,01% tỷ lệ sở hữu trong MHC để có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động của công ty này cho các mục tiêu đầu tư lâu dài.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Công ty.

Tất cả cổ phiếu của MHC với giá trị còn lại là 66.442.376.700 VNĐ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và trái phiếu thường trong nước của Công ty. Chi tiết của khoản vay và trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.1 và 17.2.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.823.316.285	4.552.926.763
Công cụ, dụng cụ	81.280.674	397.994.687
TỔNG CỘNG	2.904.596.959	4.950.921.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho Công ty Unitex Logistics Limited	398.883.248	9.860.051.117
Phải trả người bán khác	46.556.439.119	57.850.022.433
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.310.428.039	-
TỔNG CỘNG	53.265.750.406	67.710.073.550

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 27)	15.951.866.064	-
Người mua khác trả tiền trước	493.280.129	255.291.749
TỔNG CỘNG	16.445.146.193	255.291.749

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp/ Cấn trừ	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.332.100.279	54.546.509.349	(54.325.280.396)	1.553.329.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.1)	3.118.268.851	7.904.874.798	(10.115.918.461)	907.225.188
Thuế thu nhập cá nhân	291.045.087	2.860.731.742	(3.014.598.087)	137.178.742
Tiền thuê đất	1.818.386.010	8.517.366.042	(10.335.752.052)	-
Các loại thuế khác	-	1.151.566.963	(1.151.566.963)	-
TỔNG CỘNG	6.559.800.227	74.981.048.894	(78.943.115.959)	2.597.733.162

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ	9.460.861.365	1.795.637.761
Trong đó:		
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.000.000.000	-
Nhận ký quỹ từ bên khác	2.460.861.365	1.795.637.761
Phí hoa hồng	1.085.957.547	722.297.702
Cổ tức phải trả	183.567.363	173.605.063
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.520.835.415	1.703.525.205
TỔNG CỘNG	12.251.221.690	4.395.065.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

				VNĐ
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngắn hạn -				
Vay từ đơn vị khác				
(Thuyết minh số 17.1)	-	35.671.418.775	(17.697.438.197)	17.973.980.578
Vay dài hạn -				
Trái phiếu thường				
trong nước				
(Thuyết minh số 17.2)	-	396.000.000.000	-	396.000.000.000
Vay từ các bên khác	-	334.989.292.413	(334.989.292.413)	-
TỔNG CỘNG	-	766.660.711.188	(352.686.730.610)	413.973.980.578

17.1 Vay ngắn hạn

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán IB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch mua chứng khoán niêm yết. Số cuối năm được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ			
C000052/2015/IB SC/HĐ-GDKQ	17.973.980.578	Từ 14 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2016	13,50%	Toàn bộ chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ

17.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị	Kỳ hạn
		VNĐ	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(4.000.000.000)	
TỔNG CỘNG		396.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VNĐ từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VNĐ từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.614.669 cổ phiếu tương đương 20,71% tỷ lệ sở hữu trong MHC và 36.905.000 cổ phiếu tương đương 55% tỷ lệ sở hữu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

						VNĐ
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	83.518.570.000	6.894.818.939	23.316.847.261	4.822.713.838	17.230.929.872	135.783.879.910
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	30.811.970.226	30.811.970.226
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(10.022.228.400)	(10.022.228.400)
Trích lập các quỹ	-	1.203.071.233	-	-	(3.809.213.699)	(2.606.142.466)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(770.299.256)	(770.299.256)
Số cuối năm	<u>83.518.570.000</u>	<u>8.097.890.172</u>	<u>23.316.847.261</u>	<u>4.822.713.838</u>	<u>33.441.158.743</u>	<u>153.197.180.014</u>
Năm nay						
Số đầu năm						
(đã được trình bày trước đây)	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.441.158.743	153.197.180.014
Trình bày lại (Thuyết minh số 30)	-	-	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-	-
Số đầu năm						
(được trình bày lại)	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.441.158.743	153.197.180.014
Tăng vốn trong năm (i)	41.758.430.000	-	(20.862.700.000)	-	(20.895.730.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i)	12.526.490.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Cổ tức đã công bố (ii)	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	25.224.478.322	25.224.478.322
Trích lập các quỹ	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Số cuối năm	<u>137.803.490.000</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>7.276.861.099</u>	<u>-</u>	<u>13.042.473.038</u>	<u>166.501.364.259</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 4.175.928 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết trên. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.252.778 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.428.492 cổ phiếu trị giá 54.284.920.000 VNĐ, trong đó 4.175.843 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 41.758.430.000 VNĐ) và 1.252.649 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 12.526.490.000 VNĐ). Công ty cũng đã nộp báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 9 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Công ty đã trả tạm ứng cổ tức bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết của HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2015, tương đương với 8.351.857.000 VNĐ.

Phần cổ tức còn lại tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu được trả bằng hình thức phát hành thêm 1.252.649 cổ phiếu, tương đương với 12.526.490.000 VNĐ, như đã trình bày trên.

Ngày 8 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 455/QĐ-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chi trả cổ tức này.

19.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.780.349	8.351.857
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.780.349	8.351.857

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Cổ tức

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	20.878.347.000	16.703.714.000
Cổ tức đã trả trong năm	8.341.894.700	10.029.293.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	781.268.742.699	643.775.442.340
Doanh thu bán hàng hóa	214.840.796.257	228.948.302.145
TỔNG CỘNG	996.109.538.956	872.723.744.485

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	558.782.958	212.540.880
Lãi tiền gửi	508.546.127	2.385.669.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.710.000	5.123.042.492
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	8.331.914.394
TỔNG CỘNG	1.176.039.085	16.053.167.700

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	647,846.775.519	538.326.936.906
Giá vốn của hàng hóa đã bán	201.354.977.498	220.117.931.451
TỔNG CỘNG	849.201.753.017	758.444.868.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		
giảm giá các khoản đầu tư	8.312.704.986	(218.084.360)
Chi phí lãi vay	1.831.408.810	836.744.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá	821.282.660	221.470.595
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.028.029	-
TỔNG CỘNG	11.032.424.485	840.131.069

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí bán hàng	69.354.231.992	54.687.973.220
Trong đó:		
Chi phí lương	45.649.471.975	38.049.331.373
Chi phí bán hàng khác	23.704.760.017	16.638.641.847
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.031.430.422	36.119.756.898
Trong đó:		
Chi phí lương	15.045.721.546	14.961.713.999
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.697.900.032	577.191.166
Tiền thuê đất	2.555.209.813	4.717.838.807
Chi phí trợ cấp thôi việc	130.536.500	3.704.775.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.602.062.531	12.158.237.113

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.574.821.524	554.626.499.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	201.354.977.498	220.351.933.023
Chi phí nhân công	60.695.193.521	53.011.045.372
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	6.897.790.232	4.584.775.075
Chi phí khác	25.064.632.656	16.678.345.454
TỔNG CỘNG	950.587.415.431	849.252.598.475

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Chi phí nộp phạt	2.611.809.327	141.024.183
Chi phí khác	75.014.627	4.659.251
TỔNG CỘNG	2.686.823.954	145.683.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập tính thuế:

		VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.457.521.375	38.817.674.021
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Trợ cấp thôi việc phải trả	(1.292.939.250)	3.479.020.250
Chi phí không được khấu trừ	2.976.969.640	1.363.933.907
Thu nhập không chịu thuế	(108.710.000)	(5.123.042.492)
Thu nhập chịu thuế ước tính	35.032.841.765	38.537.585.686
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	7.707.225.188	8.478.268.851
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	197.649.610	292.819.399
Chi phí thuế TNDN trong năm	7.904.874.798	8.771.088.250
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.118.268.851	2.255.660.387
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	907.225.188	3.118.268.851

26.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VNĐ			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>437.216.200</u>	<u>765.384.455</u>	<u>(328.168.255)</u>	<u>765.384.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Các bên liên quan của Công ty phần lớn là các công ty con của Công ty.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>
Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans	Công ty liên kết	Trả hộ	1.332.503.636
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)	Công ty con	Cho thuê cảng Trả hộ	8.728.402.146 (6.328.585.487)

Các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

			VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	<u>464.955.000</u>
---------------	-------------	------------------	--------------------

Phải trả người bán ngắn hạn

Cảng Miền Nam	Công ty con	Trả hộ	<u>(6.310.428.039)</u>
---------------	-------------	--------	------------------------

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Cảng Miền Nam	Công ty con	Cho thuê cảng	<u>(15.951.866.064)</u>
---------------	-------------	---------------	-------------------------

Phải trả ngắn hạn khác

Cảng Miền Nam	Công ty con	Nhận ký quỹ cho thuê cảng	<u>(7.000.000.000)</u>
---------------	-------------	------------------------------	------------------------

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

		VNĐ
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>3.953.299.218</u>	<u>2.713.464.587</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.616.464.307	11.924.311.440
Từ 1 đến 5 năm	23.921.132.080	25.005.348.160
Trên 5 năm	483.623.920	5.835.286.969
TỔNG CỘNG	36.021.220.307	42.764.946.569

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	18.449	15.793
- Đồng Euro (EUR)	1.658	1.292
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040
Giá trị ước tính của vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	428.118.897.001	454.770.114.513

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính riêng của năm nay, chi tiết như sau:

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Trả trước cho người bán	22.944.043.305	(22.944.043.305)	-
Trả trước người bán ngắn hạn	-	18.358.543.305	18.358.543.305
Trả trước người bán dài hạn	-	4.585.500.000	4.585.500.000
Phải thu khác	11.382.717.781	(11.382.717.781)	-
Tài sản ngắn hạn khác	5.844.943.332	(5.844.943.332)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	17.227.661.113	17.227.661.113
Thuế GTGT được khấu trừ	15.107.634	1.623.607.484	1.638.715.118
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.623.607.484	(1.623.607.484)	-
Tài sản dài hạn khác	155.355.000	(155.355.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	155.355.000	155.355.000
Phải trả dài hạn khác	3.479.020.250	(3.479.020.250)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.479.020.250	3.479.020.250
Quỹ đầu tư và phát triển	23.316.847.261	4.822.713.838	28.139.561.099
Quỹ dự phòng tài chính	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại) VNĐ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	284.480.211	(5.305.397)	279.174.814
Chi phí khác	(150.988.831)	5.305.397	(145.683.434)

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm, để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VNĐ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình nộp báo cáo kết quả phát hành nêu trên cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và hoàn thành GCNĐKKD điều chỉnh từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 11.3, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 3 tháng 3 năm 2016

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2016

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2015

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán,
 - Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ng niên năm 2015 số 025/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2015,
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trả phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Nghị Quyết 2015	Thực hiện 2015	Chênh lệch
1	Vốn điều lệ	Đồng	83,518,570,000	275,606,980,000	192,088,410,000
2	Tổng doanh thu	"	1,000,000,000,000	1,012,297,188,817	12,297,188,817
3	Doanh thu thuần	"	1,000,000,000,000	1,012,297,188,817	12,297,188,817
4	Tổng chi phí	"	961,500,000,000	976,811,374,621	15,311,374,621
5	Lợi nhuận trước thuế	"	38,500,000,000	34,056,187,023	(4,443,812,977)
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	8,470,000,000	8,680,320,495	210,320,495
7	Lợi nhuận sau thuế (A)	"	30,030,000,000	25,375,866,528	(4,654,133,472)
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế	"	24,633,392,500	14,196,262,516	(10,437,129,984)
	- Trả cổ tức:	"			-
	+ Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	25	4	(21)
	+ Số tiền trả cổ tức	Đồng	20,879,642,500	11,024,279,200	(9,855,363,300)
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi = 10%A	"	3,003,000,000	2,537,586,653	(465,413,347)
	- Thù lao HĐQT, BKS	"	750,750,000	634,396,663	(116,353,337)
	+ Thù lao HĐQT = 2%A	"	600,600,000	507,517,331	(93,082,669)
	+ Thù lao BKS = 0,5%A	"	150,150,000	126,879,333	(23,270,667)
	- Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	"	5,396,607,500	11,179,604,012	5,782,996,512

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT - KT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN QUYẾT THẮNG

TỜ TRÌNH

Về Phương Án Trả Thù Lao Hội Đồng Quản Trị
& Ban Kiểm Soát Năm 2015 và dự kiến năm 2016

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

– Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua phương án trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015:

- + Thù lao HĐQT và Thù ký Công ty (2.0% LNST): **507.517.331** đồng.
- + Thù lao Ban kiểm soát (0.5%LNST): **126.879.333** đồng.

Căn cứ thù lao được hưởng, Tổng giám đốc lập bảng thanh toán trả từng thành viên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

2. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát dự kiến năm 2016:

Để thuận lợi cho công tác kế hoạch hóa và quản lý chi phí, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- + Thù lao của HĐQT là 2.0% lợi nhuận sau thuế năm 2016
- + Thù lao của Trưởng Ban Kiểm soát là 2 triệu đồng/tháng, thù lao của thành viên Ban Kiểm soát là 1 triệu đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUYẾT THẮNG

CÔNG TY CP KHO VẠN MIỀN NAM

Số : 032/2016/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính 2016

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vạn Miền Nam,
- Căn cứ nhu cầu kiểm toán của Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua việc ủy quyền Ban Kiểm Soát phối hợp Tổng Giám Đốc tiến hành lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính và theo danh sách đề nghị sau:

1. PricewaterhouseCoopers Việt Nam
2. Deloitte Việt Nam
3. KPMG Việt Nam
4. Ernst & Young Việt Nam

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUYẾT THẮNG

TỜ TRÌNH

**Phương án phát hành cổ phiếu
tăng vốn điều lệ từ 275.606.980.000 đồng lên 854.381.620.000 đồng**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- ✓ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014;
- ✓ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được ban hành ngày 29/06/2006;
- ✓ Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- ✓ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- ✓ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;
- ✓ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- ✓ Điều lệ của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty kính trình Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2016 như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Loại cổ phiếu phát hành: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá cổ phiếu: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 3. Vốn điều lệ hiện tại: | 275.606.980.000 đồng |
| 4. Số lượng cổ phần phát hành thêm dự kiến: | 57.877.464 cổ phần |
| 5. Giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá: | 578.774.640.000 đồng |
| 6. Số lượng cổ phần lưu hành sau phát hành dự kiến: | 85.438.162 cổ phần |
| 7. Quy mô vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: | 854.381.620.000 đồng |
| 8. Đơn vị tư vấn phát hành: | CTCP Chứng khoán IB |

B. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH:

Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam từ 275.606.980.000 đồng lên 854.381.620.000 đồng sẽ được tổ chức thực hiện thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Mã chứng khoán: STG
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu: **4% (Bốn phần trăm)**
Tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 100:4 (Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền và cổ đông có 100 quyền được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức)
- Số lượng cổ phiếu phát hành: **1.102.427 cổ phiếu** (Một triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm hai mươi bảy cổ phiếu), tương đương 4% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty (27.560.698 cổ phiếu).
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: **11.024.270.000 đồng** (Mười một tỷ không trăm mười bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Nguồn vốn sử dụng phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015.
- Xử lý cổ phiếu lẻ:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành chia cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế
- Thời gian phát hành dự kiến: Quý III/2016, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Thủ tục thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu:

- Vào ngày phân phối chứng khoán phát hành thêm, tất cả cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được nhận cổ phiếu theo tỷ lệ được chia;
- Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền tại Sotrans (hoặc đơn vị được Công ty ủy quyền thực hiện phân phối chứng khoán).

2. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu phát hành: **1.653.641 cổ phiếu** (*Một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi một cổ phiếu*).
- Giá trị phát hành theo mệnh giá: **16.536.410.000 đồng** (*Mười sáu tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).
- Tỷ lệ thực hiện quyền: **100:6**
(Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1 quyền và cổ đông có 100 quyền được nhận 6 cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu)
- Nguồn vốn sử dụng để phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển và vốn khác của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2015. Trong đó, sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 881.008.779 đồng; Quỹ đầu tư phát triển: 7.276.861.099 đồng; Vốn khác của chủ sở hữu: 8.378.540.122 đồng.
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Sotrans có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng.
- Xử lý cổ phiếu lẻ:
 - Số lượng cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn xuống đến hàng đơn vị (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
- Nguyên tắc phân phối:
 - Người sở hữu cổ phiếu được quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu và không được phép chuyển nhượng quyền nhận cổ phiếu của mình cho người thứ ba;

- Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời gian phát hành dự kiến: Quý II/2016, sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Thủ tục thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Vào ngày phân phối chứng khoán phát hành thêm, tất cả cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được nhận cổ phiếu theo tỷ lệ được chia;
 - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền tại Sotrans (hoặc đơn vị được Công ty uỷ quyền thực hiện phân phối chứng khoán).

3. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu phát hành: **55.121.396 cổ phiếu** (*Năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm chín mươi sáu cổ phiếu*).
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Giá trị phát hành theo mệnh giá: **551.213.960.000** (*Năm trăm năm mươi một tỷ hai trăm mười ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn*) đồng;
 - Số tiền thu được: **551.213.960.000** (*Năm trăm năm mươi một tỷ hai trăm mười ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn*) đồng;
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: Cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký mua theo phương thức phân phối quyền mua với tỷ lệ 1 : 2 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng quyền mua, cứ 01 quyền mua cổ đông được mua 02 cổ phiếu mới của đợt chào bán này theo tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị).
- Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 654 cổ phiếu, sẽ được hưởng 654 quyền mua. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $654 \times 2 = 1.308$ CP.*
- Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Sotrans có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng.

- Nguyên tắc phân phối:
 - Quyền mua được phép chuyển nhượng: Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.
Ví dụ: cổ đông A có quyền mua 1.000 cổ phiếu, cổ đông A có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư B quyền mua 400 cổ phiếu và nhà đầu tư C quyền mua 200 cổ phiếu. Nhà đầu tư B và nhà đầu tư C không được phép chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu từ cổ đông A cho bất kỳ người nào.
 - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối, chào bán cho các đối tượng khác phần cổ phiếu dư phát sinh với nguyên tắc giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu dư phát sinh là số cổ phiếu được ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng cổ đông từ chối mua.
- Thời gian chào bán dự kiến: Dự kiến trong Quý II/2016 sau khi được UBCKNN chấp thuận.
- Thủ tục đăng ký, chuyển nhượng và thực hiện quyền mua cổ phiếu:
 - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua theo quy định.
 - Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền tại Sotrans (hoặc đơn vị được Công ty ủy quyền thực hiện phân phối chứng khoán).

C. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VÀ NGUỒN VỐN TÀI TRỢ:

1. Số tiền thu được dự kiến từ đợt chào bán cổ phần

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu chào bán (cp)	Giá chào bán dự kiến (VND)	Tăng vốn điều lệ	Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành
Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.102.427	0	11.024.270.000	0
Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu	1.653.641	0	16.536.410.000	0
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	55.121.396	10.000	551.213.960.000	551.213.960.000
Tổng cộng	57.877.464	10.000	578.774.640.000	551.213.960.000

2. Nhu cầu và nguồn tài trợ vốn của Sotrans

Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán:

Nhu cầu sử dụng vốn	Số tiền (VND)	Thời điểm giải ngân	Nguồn vốn tài trợ	Số tiền (VND)
Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, trả nợ trái phiếu đã phát hành	551.213.960.000	Quý 2/2016	Thu từ phát hành cổ phiếu	551.213.960.000
Tổng cộng:	551.213.960.000			551.213.960.000

D. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ PHÁT HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHA LOÃNG CỔ PHẦN DỰ KIẾN SAU KHI PHÁT HÀNH

1. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá thị trường của cổ phiếu vào thời điểm tính toán là **17.600 đồng/cổ phần** trong khi giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 căn cứ trên báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2015 của Công ty là **12.082 đồng/cổ phần**.

Giá phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất là **10.000 đồng/cổ phần**, được xác định dựa trên nguyên tắc so sánh với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015 và giá thị trường của cổ phiếu, đồng thời có chiết khấu xuống để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

2. Mức độ pha loãng thu nhập cơ bản trên cổ phiếu và pha loãng giá do ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu

Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 275.606.980.000 đồng dự kiến lên 854.381.620.000 đồng. Trong trường hợp chào bán thành công thì số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty dự kiến sẽ là 85.438.162 cổ phiếu. Sau khi lượng cổ phiếu mới phát hành được chính thức lưu hành, các cổ đông nên lưu ý vấn đề sau:

✓ Pha loãng về thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận nên sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty

$$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}} = EPS$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng CP đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X * 12 + Y * T}{12}$$

✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

- ✓ *Y*: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ *T*: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng).

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này của Sotrans là 30/06/2016. Khi đó:

$$CLCP \text{ đang lưu hành BQ trong kỳ} = \frac{27.560.698 * 12 + 57.877.464 * 6}{12} = 56.499.430$$

EPS dự kiến của năm 2016 trong trường hợp không phát hành thêm cổ phần:

$$\frac{32.395.822.231 - 0}{27.560.698} = 1.175 \text{ đồng}$$

EPS dự kiến của năm 2016 khi 19.209.269 cổ phiếu chính thức được phân phối:

$$\frac{32.395.822.231^1 - 0}{56.499.430} = 573 \text{ đồng}$$

¹ Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2016 của Công ty.

Như vậy, thu nhập trên mỗi cổ phiếu Sotrans sau khi Công ty phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ giảm 602 đồng (giảm 51,23%) so với khi Công ty không phát hành thêm cổ phần.

✓ Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu Sotrans trên thị trường

Khối lượng cổ phiếu tăng lên và giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày không hưởng quyền mua cổ phiếu. Giá cổ phiếu Sotrans sau khi pha loãng:

$$\frac{PR_{t-1} + (I_1 \times PR_1) + (I_2 \times PR_2) + (I_3 \times PR_3) - T_{cp} - TTH_{cp}}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó:

- PR_{t-1} : Giá chứng khoán trước khi thực hiện quyền mua cổ phần.
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- I_2 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành thưởng bằng cổ phiếu
- I_3 : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành quyền mua cổ phần
- PR_1 : Giá cổ phiếu tính cho người được chia cổ tức bằng cổ phiếu
- PR_2 : Giá cổ phiếu tính cho người được thưởng bằng cổ phiếu
- PR_3 : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu
- T_{cp} : Giá trị tiền trả cổ tức bằng cổ phiếu
- TTH_{cp} : Giá trị tiền thưởng bằng cổ phiếu

Tại thời điểm tính toán, giá thị trường của cổ phiếu Sotrans là 17.600 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành trả cổ tức theo tỷ lệ 100:4, phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 100:6 và phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu Sotrans sau khi pha loãng là:

$$\frac{17.600 + (4\% \times 10.000) + (6\% \times 10.000) + (200\% \times 10.000) - 400 - 600}{1 + 4\% + 6\% + 200\%} = 12.129,03 \text{ đồng}$$

E. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ MỚI

Chỉ tiêu	Đơn vị	Sau phát hành
Vốn điều lệ	<i>Đồng</i>	854.381.620.000
Doanh thu thuần (2016)	<i>Đồng</i>	1.034.259.442.857
Lợi nhuận sau thuế (2016)	<i>Đồng</i>	32.395.822.231
Tỷ lệ sinh lời trên doanh thu (ROS)	<i>%</i>	3.13
Tỷ lệ sinh lời trên Vốn điều lệ (ROE)	<i>%</i>	3.79

F. ỦY QUYỀN THỰC HIỆN:

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông nhất trí uỷ quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
2. Xử lý cổ phiếu không được mua hết (nếu có) nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty;
3. Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành để đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành;
4. Chủ động điều chỉnh/thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với thực tế tình hình kinh doanh của Công ty tại thời điểm giải ngân và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội gần nhất sau khi thay đổi phương án sử dụng vốn (nếu có).
5. Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
6. Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sotrans theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
7. Thông qua và uỷ quyền cho HĐQT Công ty thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành theo phương án nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
8. Ngoài những nội dung uỷ quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHCĐ uỷ quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án huy động vốn của Công ty hợp pháp, đúng

quy định, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại Hội đồng Cổ Đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUYẾT THẮNG

BÁO CÁO

V/v Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị năm 2016

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều Lệ Công ty CP Kho Vạn Miền Nam;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 090/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/11/2015, ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua tăng số lượng 01 thành viên HĐQT, nâng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016 từ 05 thành viên lên 06 thành viên.

Căn cứ khoản 3 điều 24 Điều lệ công ty, HĐQT đương nhiệm đã họp thông qua và đề cử Ông **Trần Tuấn Anh** làm thành viên HĐQT kể từ ngày 02/02/2016.

Hội đồng quản trị báo cáo và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-TK.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN MIỀN NAM
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN QUYẾT THẮNG